

Số: 58/NQ-HĐKĐCL

Hà Nội, ngày 24 tháng 6 năm 2024

NGHỊ QUYẾT
Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục
Trường Đại học Thủy lợi

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 1257/QĐ-KĐCL ngày 05/12/2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy định về hoạt động của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 467/QĐ-KĐCL ngày 03/6/2024 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc tổ chức Phiên họp XXVIII của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 469/QĐ-KĐCL ngày 03/6/2024 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc thành lập các Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục Phiên XXVIII;

Căn cứ kết quả nghiên cứu Hồ sơ tự đánh giá của Trường Đại học Thủy lợi, Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài, Báo cáo thẩm định của Tiểu ban chuyên môn và các tài liệu liên quan;

Căn cứ kết quả trao đổi, thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua Nghị quyết tại Phiên họp XXVIII ngày 22/6/2024 của Hội đồng,

QUYẾT NGHỊ:

1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Thủy lợi của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài. Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Thủy lợi theo đúng quy định hiện hành. Kết quả đánh giá phản ánh đúng hiện trạng của Nhà trường và đã được Nhà trường đồng thuận. Thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Thủy lợi cho thấy điểm trung bình của các tiêu chuẩn trong từng mục: Đảm bảo chất lượng về chiến lược, Đảm bảo chất lượng về hệ thống, Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng, Kết quả hoạt động đều đạt từ 3,50 điểm trở lên và không có tiêu chuẩn nào có điểm trung bình dưới 2,00 điểm (chi tiết trong Phụ lục I).



2. Kiến nghị Trường Đại học Thủy lợi cần thực hiện 25 nhóm giải pháp cải tiến chất lượng giáo dục (chi tiết trong *Phụ lục II*).

3. Căn cứ Điều 46, Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hội đồng đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục cho Trường Đại học Thủy lợi.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**



Đình Văn Toàn

==
-
-
IG
M
T
Á
-
==

Phụ lục I

**KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦY LỢI**

*(Kèm theo Nghị quyết số: 58/NQ-HĐKĐCL ngày 24 tháng 6 năm 2024
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)*

Lĩnh vực/Tiêu chuẩn	Điểm trung bình	Lĩnh vực/Tiêu chuẩn	Điểm trung bình
Mục 1. Đảm bảo chất lượng về chiến lược	4.13	Mục 3. Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng	4.14
Tiêu chuẩn 1	4.20	Tiêu chuẩn 13	4.00
Tiêu chuẩn 2	4.00	Tiêu chuẩn 14	3.80
Tiêu chuẩn 3	4.00	Tiêu chuẩn 15	4.00
Tiêu chuẩn 4	4.25	Tiêu chuẩn 16	3.75
Tiêu chuẩn 5	3.75	Tiêu chuẩn 17	4.25
Tiêu chuẩn 6	4.43	Tiêu chuẩn 18	5.00
Tiêu chuẩn 7	4.20	Tiêu chuẩn 19	4.00
Tiêu chuẩn 8	4.25	Tiêu chuẩn 20	4.25
Mục 2. Đảm bảo chất lượng về hệ thống	4.00	Tiêu chuẩn 21	4.25
Tiêu chuẩn 9	4.00	Mục 4. Kết quả hoạt động	4.27
Tiêu chuẩn 10	4.00	Tiêu chuẩn 22	4.00
Tiêu chuẩn 11	4.00	Tiêu chuẩn 23	4.83
Tiêu chuẩn 12	4.00	Tiêu chuẩn 24	4.25
		Tiêu chuẩn 25	4.00

Phụ lục II
CÁC KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC
ĐỐI VỚI TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦY LỢI

*(Kèm theo Nghị quyết số: 58/NQ-HĐKĐCL ngày 24 tháng 6 năm 2024
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)*

Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Thủy lợi giai đoạn 2018-2023 cho thấy Nhà trường có những điểm mạnh như sau:

1. Về Đảm bảo chất lượng về chiến lược: Tầm nhìn, sứ mạng, giá trị văn hoá của Nhà trường được tuyên bố chính thức có kế thừa và phát triển phù hợp với bối cảnh mới về mô hình, vị thế. Hệ thống quản trị và cơ cấu quản lý được thiết lập và rà soát, điều chỉnh phù hợp với quy định, thực hiện tốt trách nhiệm giải trình, đảm bảo tính bền vững; chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị được phân công, điều chỉnh phù hợp với mô hình quản lý. Các chỉ tiêu chiến lược chính được xác lập đầy đủ, được điều chỉnh phù hợp với nguồn lực và bối cảnh mới. Chính sách đào tạo, nghiên cứu khoa học được xây dựng phù hợp với sứ mạng. Đội ngũ giảng viên có trình độ cao, có năng lực và phẩm chất tốt; kết quả nghiên cứu khoa học và công bố quốc tế cao phù hợp với tiêu chí trường đại học theo định hướng nghiên cứu. Công tác lập kế hoạch, triển khai, kiểm toán, tăng cường nguồn lực tài chính cho các hoạt động được thực hiện theo quy định, nguồn thu sự nghiệp tăng trưởng đảm bảo được cân đối chi thường xuyên theo kế hoạch và tự chủ cơ bản chi thường xuyên; nguồn lực thu hút ngoài trường cho hoạt động nghiên cứu khoa học nổi trội. Hệ thống lập kế hoạch, thực hiện, đánh giá và cải tiến; môi trường, sức khỏe, sự an toàn được thiết lập và thực hiện. Mạng lưới quan hệ đối ngoại và hợp tác rộng lớn được thiết lập và thực hiện có hiệu quả.

2. Về Đảm bảo chất lượng về hệ thống: Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong được thiết lập; quy định và hướng dẫn về hoạt động đảm bảo chất lượng được ban hành để thực hiện; đội ngũ cán bộ chuyên trách đảm bảo chất lượng được phân công và bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ. Các kế hoạch chiến lược, cơ chế đảm bảo chất lượng và các hoạt động được triển khai. Hệ thống quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong được thiết lập để triển khai; hoạt động tự đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục và các chương trình đào tạo được thực hiện định kỳ; việc khắc phục các tồn tại và cải tiến chất lượng được quan tâm thực hiện và đạt kết quả tích cực. Quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn đối sánh được thiết lập và triển khai hỗ trợ cải tiến chất lượng các hoạt động của cơ sở giáo dục và chương trình đào tạo.

3. Về Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng: Chính sách tuyển sinh, các tiêu chí và phương thức tuyển chọn được xác định rõ ràng và phù hợp, cơ bản đảm bảo tuyển đủ chỉ tiêu và duy trì được chất lượng đầu vào các ngành truyền thống. Các chương trình đào tạo được phát triển phù hợp với định hướng nghiên cứu, được rà soát, điều chỉnh định kỳ; nội dung chương trình đào tạo được cập nhật và có tính thực tiễn cao. Triết lý giáo dục của Nhà trường được chuyển tải trong quá trình thiết kế chương trình đào tạo; các hoạt động dạy - học được thiết kế khá đa dạng; hoạt động thực hành, trải nghiệm thực tế được quan tâm giúp người học nâng cao năng lực sáng tạo và kỹ năng học tập. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được quy định rõ ràng và hướng dẫn cụ thể với loại hình, tiêu chí; phương thức kiểm tra đánh giá phù hợp để đo lường mức độ đạt được chuẩn đầu ra. Kế hoạch nghiên cứu khoa học và kết nối, phục vụ cộng đồng trên các lĩnh vực mũi nhọn và truyền thống được thiết lập với các chỉ số thực hiện

chính được xây dựng, rà soát và triển khai; huy động được nguồn kinh phí đa dạng để thực hiện. Hệ thống, quy trình tổ chức và quản lý nghiên cứu khoa học được thiết lập và triển khai với phạm vi lớn trong các lĩnh vực về nông nghiệp, nông thôn, thủy lợi.

4. Về Kết quả hoạt động: Hệ thống quản lý học tập được triển khai có sự hỗ trợ của phần mềm; tỉ lệ người học tốt nghiệp, tốt nghiệp đúng hạn, tỉ lệ thôi học được xác lập và giám sát. Tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm khá cao. Nhà sử dụng lao động hài lòng về chất lượng và mức độ đáp ứng yêu cầu công việc của người học tốt nghiệp. Khối lượng, loại hình nghiên cứu khoa học của giảng viên được xác định và thực hiện; kết quả thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học, công bố khoa học trên hệ thống ISI, Scopus tăng mạnh; hợp đồng chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học và nguồn thu từ nghiên cứu khoa học cao. Tác động của hoạt động kết nối, phục vụ cộng đồng trong giảm nhẹ thiên tai, bảo vệ môi trường và đảm bảo an ninh lương thực được các bên đánh giá, ghi nhận. Kết quả và chỉ số tài chính của các hoạt động được xác lập và thực hiện có sự tăng trưởng; chỉ số kết quả của các lĩnh vực tăng trưởng và được giám sát, đối sánh nội bộ, đặc biệt trong đào tạo chính quy đại học và nghiên cứu khoa học. Đóng góp của Nhà trường cho thị trường trên các lĩnh vực hoạt động đã được khẳng định và ghi nhận.

Tuy nhiên, Nhà trường vẫn còn những điểm tồn tại cần khắc phục (cụ thể trong Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài). Trên cơ sở Hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại Phiên họp, Hội đồng kiến nghị Nhà trường cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục theo 25 nhóm giải pháp dưới đây:

1. Tiếp cận tầm nhìn và mức độ hội nhập quốc tế để định vị rõ hơn diện mạo của Trường trong tương lai làm cơ sở đối sánh và xây dựng các chỉ số thực hiện chính. Triết lý giáo dục nên tập trung vào mục tiêu phát triển bền vững, có thể xem xét các nguyên lý như Học tập trải nghiệm; Tiếp cận liên ngành; Tư duy hệ thống và hướng tới khởi nghiệp thành công. Xem xét hoàn thiện sứ mạng và tầm nhìn theo cách tiếp cận hiện đại hơn để tạo cảm hứng cho các bên liên quan và tăng khả năng nhận diện thương hiệu. Quan tâm xây dựng các chỉ số và lượng hóa, đánh giá kết quả và hiệu quả tác động của các giá trị cốt lõi để tổng kết và đánh giá trong thực tiễn mức độ đạt được và sự quyết tâm cao của lãnh đạo đối với các giá trị cốt lõi; kết hợp công bố tại các sự kiện nhằm tiếp tục tăng cường sự gắn kết và hợp tác.

2. Thực hiện toàn diện, hệ thống, đồng bộ hơn hoạt động kiểm tra, thanh tra, giám sát của Đảng ủy, Hội đồng trường và Ban Giám hiệu cũng như của các tổ chức đoàn thể. Ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng Khoa học Đào tạo. Tăng cường vai trò của Hội đồng trường trong xây dựng thể chế và chính sách phát triển các hoạt động. Bổ sung hoàn thiện các văn bản quy chế làm việc các cơ quan quản trị và quy định rõ thẩm quyền Hiệu trưởng theo Luật Giáo dục đại học.

3. Quán triệt sâu sắc hơn quan hệ giữa Đảng ủy, Hội đồng trường, Ban Giám hiệu theo nguyên tắc Đảng lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện tập thể lãnh đạo Nhà trường; Hội đồng trường là cơ quan quyền lực cao nhất; Ban Giám Hiệu là cơ quan quản lý, điều hành thực thi các nghị quyết của Hội đồng trường và chiến lược, kế hoạch. Thường xuyên rà soát, kiện toàn cơ cấu lãnh đạo và quản lý; tổng kết mô hình viện thành viên và doanh nghiệp, các đơn vị trực thuộc để phát huy vai trò tăng nguồn lực và kết nối định hướng tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược.

4. Sử dụng công cụ đối sánh để tổ chức lại quy trình và cách xác định nội dung, nội hàm của mô hình đại học trường quan tâm; lựa chọn đối tác và các trường hợp thực hành tốt để có

đầy đủ thông tin xây dựng chiến lược cho giai đoạn tới; bổ sung các chỉ số như số lượng trích dẫn, giải thưởng nghiên cứu khoa học của sinh viên, giảng viên, chất lượng nghiên cứu khoa học công nghệ và các chỉ tiêu về chuyển đổi số và phục vụ cộng đồng tương thích với các mục tiêu phát triển bền vững. Tham khảo, sử dụng các tiêu chí và mốc chuẩn của các bảng xếp hạng, đặc biệt là xếp hạng đối sánh, gắn sao QS (QS Stars) để đo lường mức độ thực hiện các mục tiêu chiến lược.

5. Tăng cường vai trò của Hội đồng trường trong giám sát và phản biện đến lãnh đạo xây dựng các chính sách và chiến lược phát triển trường. Tăng cường sự tham gia của thành viên các hội đồng và các chuyên gia ở các khâu đề xuất, tư vấn và thực thi vai trò giám sát, phản biện. Rà soát chính sách khoa học công nghệ để đáp ứng thực tiễn hoạt động nghiên cứu khoa học và xây dựng, ban hành chính sách về phục vụ cộng đồng. Quan tâm điều chỉnh các chính sách trong mối quan hệ gắn bó và tham gia của các bên liên quan để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên.

6. Rà soát, sớm thực hiện mô tả và chi tiết hóa yêu cầu năng lực cho các vị trí việc làm cho giai đoạn mới; có cơ chế, chính sách để phân công, đánh giá tác động và truyền thông trong hoạt động kết nối, phục vụ cộng đồng; có cơ chế thu hút, phát triển và giữ chân nguồn nhân lực trình độ cao, đầu ngành cho Phân hiệu và tăng tỷ lệ có trình độ tiến sĩ đối với đội ngũ cán bộ khoa học công nghệ toàn trường. Thường xuyên lấy ý kiến và sự hài lòng các bên liên quan trong rà soát, hoàn thiện và thực hiện các chính sách, quy trình đánh giá, ghi nhận, khen thưởng và đãi ngộ theo hướng ghi nhận rõ hơn hiệu quả đóng góp của cá nhân, đặc biệt đối với cán bộ quản lý, phục vụ và người lao động.

7. Rà soát để đảm bảo chiến lược phát triển nguồn thu bền vững và tăng tích lũy tài chính theo hướng đa dạng, tăng thu từ dịch vụ, chuyển giao công nghệ và thương mại hóa; đẩy nhanh tiến độ chuyển đổi số, thư viện số và các phần mềm tích hợp để quản lý điều hành hiệu quả giữa các cơ sở; tiếp tục làm giàu, bổ sung học liệu số, cơ sở dữ liệu trên LMS kết nối với thư viện để tăng hiệu quả tiếp cận khai thác cho cán bộ, nhân viên và người học. Rà soát để quy hoạch hiện đại và đa dạng các tiện ích trong các khuôn viên; quan tâm thường xuyên và có giải pháp đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, an toàn phòng chống cháy nổ và thoát hiểm tại các khu vực can-tin, kí túc xá, thực hành, thí nghiệm; thường xuyên tham khảo ý kiến, mức độ hài lòng của các bên và người học để cải tiến hoạt động phục vụ, dịch vụ, hệ thống cơ sở vật chất và công nghệ thông tin.

8. Có bộ phận chuyên trách quản lý hoạt động mạng lưới đối tác và hợp tác quốc tế cả trong, ngoài nước và phát triển quan hệ với doanh nghiệp; ban hành văn bản quản lý hoạt động hợp tác và các chương trình đào tạo liên kết, các hoạt động giao lưu/trao đổi; hoàn thiện bộ công cụ rà soát và các chỉ số KPIs, định kỳ báo cáo rà soát về các quan hệ đối ngoại, mạng lưới và các đối tác của Nhà trường; phân tích đánh giá các hoạt động đối ngoại theo 5 mức độ phát triển, bắt đầu từ mức độ nhận thức đến đối tác chiến lược; có các chính sách cụ thể để tăng cường hợp tác trong nghiên cứu, chuyển giao và khuyến khích các đơn vị, cá nhân tích cực tham gia các hoạt động hợp tác trong và ngoài nước.

9. Tiếp tục kiện toàn mạng lưới đảm bảo chất lượng các cấp gồm Hội đồng đảm bảo chất lượng và các tổ đảm bảo chất lượng các đơn vị; tăng cường đội ngũ chuyên trách công tác đảm bảo chất lượng về số lượng và năng lực chuyên sâu; rà soát, bổ sung hệ thống văn bản về đảm bảo chất lượng và ban hành chính thức chính sách chất lượng; rà soát, bổ sung kế hoạch chi tiết

thực hiện chiến lược nguồn lực và các chỉ số, chỉ tiêu phấn đấu chính để thực hiện; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, phổ biến, lưu trữ các văn bản; thường xuyên cập nhật các thông tin về đảm bảo chất lượng trên website của Nhà trường.

10. Tăng cường năng lực cho đội ngũ cán bộ tham gia công tác tự đánh giá và đảm bảo chất lượng trong đó quan tâm hơn đến thực hiện tại Phân hiệu; nâng cấp, hoàn thiện hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong để phục vụ tốt công tác tự đánh giá và chuẩn bị cho đánh giá ngoài; có giải pháp giải quyết các tồn tại được nhận diện qua các lần tự đánh giá và thực hiện đầy đủ, triệt để các khuyến nghị của đoàn đánh giá ngoài trong các hoạt động đào tạo để không ngừng nâng cao chất lượng; xây dựng hệ thống biểu mẫu cho việc tập hợp, so sánh và đối sánh thông tin, dữ liệu trong chu kỳ đánh giá theo từng tiêu chí; tăng cường trao đổi, chia sẻ thông tin, dữ liệu giữa các nhóm chuyên trách.

11. Đẩy nhanh tiến độ chuyển đổi số, xây dựng phần mềm đảm bảo chất lượng nói chung và phần mềm hỗ trợ khảo sát các bên liên quan để hỗ trợ việc quản lý thông tin; quan tâm khảo sát, thu thập thông tin phản hồi về tất cả các lĩnh vực nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng ở các cơ sở và Phân hiệu; ban hành quy trình thống nhất và cơ chế quản lý thông tin, cải tiến chính sách đảm bảo chất lượng bên trong đảm bảo tính đầy đủ, độ tin cậy, độ bảo mật, an toàn và khai thác, sử dụng thông tin để cải tiến, nâng cao chất lượng.

12. Sớm ban hành chính sách chất lượng làm cơ sở cho việc xác định các ưu tiên trong đầu tư các nguồn lực, trong đó có nguồn lực tài chính phân bổ cho đào tạo, khoa học công nghệ để liên tục nâng cao chất lượng; có các chính sách cụ thể khuyến khích và nâng cao hiệu quả các hoạt động phục vụ cộng đồng. Thúc đẩy cải tiến chất lượng, khuyến khích đổi mới sáng tạo trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng của Nhà trường. Xây dựng tiêu chí lựa chọn đối tác đối sánh bên ngoài phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng của Trường và cơ sở dữ liệu về kết quả đối sánh; có hướng dẫn và biện pháp giám sát việc đánh giá, phân tích đầy đủ kết quả đối sánh so chuẩn để điều chỉnh, cải tiến.

13. Đẩy mạnh hoạt động điều tra/khảo sát và phân tích nhu cầu về nhân lực có liên quan ngành đào tạo trong xác định chỉ tiêu và phương thức tuyển sinh; huy động đa dạng các bên liên quan tham và mở rộng phạm vi, hình thức, nội dung truyền thông để nâng cao chất lượng tuyển sinh cho các ngành có tỉ lệ sinh viên nhập học/chỉ tiêu thấp; hoàn thiện quy định, quy trình giám sát công tác tuyển sinh và nhập học; chú trọng thanh tra giám sát hoạt động tuyển sinh trong suốt quá trình từ xây dựng chỉ tiêu, đề án tuyển sinh đến khâu tuyển sinh, phê duyệt các học phần bổ sung đối với tuyển sinh cao học; đẩy mạnh hơn nữa công tác truyền thông tuyển sinh sau đại học.

14. Ban hành đề cương học phần theo thẩm quyền quy định cho từng chương trình đào tạo để thuận lợi cho quá trình tổ chức đào tạo và giám sát việc cải tiến chất lượng sau mỗi lần rà soát. Triển khai rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo sau đại học; nâng cao chất lượng rà soát điều chỉnh chuẩn đầu ra, nội dung và đề cương học phần của các chương trình đào tạo; đảm bảo sự tương thích cao giữa sứ mạng, tầm nhìn, chuẩn đầu ra, phương pháp giảng dạy và hình thức kiểm tra đánh giá trong mỗi chương trình đào tạo; nghiên cứu xây dựng mới các chương trình đào tạo có tính liên ngành.

15. Hướng dẫn truyền tải triết lý giáo dục vào nội dung chương trình đào tạo, phương thức tổ chức dạy và học; chú trọng cá thể hoá trong đào tạo, tăng cường các hình thức dạy học phù hợp để nâng cao khả năng học tập suốt đời và năng lực khởi nghiệp, sáng tạo cho người học;

tăng cường kết nối doanh nghiệp để gửi sinh viên đi thực tập, thực tế và mời doanh nghiệp, đơn vị dụng lao động ngoài Trường tham gia vào quá trình đào tạo; tăng cường biên soạn bài giảng điện tử, bài giảng E-learning và tổ chức dạy, học kết hợp.

16. Sớm ban hành quy định về việc lựa chọn loại hình đánh giá phù hợp để đo mức độ đạt được chuẩn đầu ra của học phần; hoàn thiện hướng dẫn về kỹ thuật xây dựng câu hỏi thi để đánh giá theo chuẩn đầu ra; xây dựng quy trình đánh giá độ tin cậy, tính chính xác của các hình thức kiểm tra - đánh giá và của đề thi để đo lường mức độ đạt được chuẩn đầu ra; sớm ban hành hướng dẫn việc đánh giá mức độ đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

17. Xây dựng các tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ cán bộ, nhân viên hỗ trợ, trên cơ sở đó có giải pháp nâng cao chất lượng; khảo sát người học đầy đủ, chi tiết, cụ thể hơn về hiệu quả và mức độ hài lòng đối với của các hoạt động phục vụ, hỗ trợ để có giải pháp hiệu quả nâng cao mức độ hài lòng của người học; rà soát lại chức năng, nhiệm vụ phục vụ và hỗ trợ người học từ cấp khoa, phòng, trung tâm, đoàn thể để phân định rõ, tránh chồng chéo và có biện pháp cải tiến. Có kế hoạch, giải pháp hỗ trợ sinh viên khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, thành lập thêm các câu lạc bộ chuyên môn để hình thành kỹ năng cho người học; tạo điều kiện cho sinh viên tham gia giao lưu, trao đổi sinh viên quốc tế; tiếp tục tăng số sinh viên đi kiến tập, thực tập ở nước ngoài.

18. Đối sánh với các trường đại học top 200 Châu Á để xác định bổ sung các KPIs phù hợp với trường đại học nghiên cứu như số sản phẩm chuyển giao/thương mại hóa, chương trình hợp tác nghiên cứu với các đối tác trong và ngoài nước, doanh nghiệp/vườn ươm công nghệ, giải thưởng quốc gia, quốc tế, chỉ số xếp hạng về các chỉ số sáng tạo. Tăng cường hơn nữa kết nối các viện, trung tâm nghiên cứu, văn phòng tư vấn chuyển giao để có các nghiên cứu liên ngành, gia tăng chuyển giao; tăng cường hợp tác thường xuyên với các nhà đầu tư, nhà tài trợ; tăng cường các công bố chung với các đối tác nước ngoài; xây dựng cơ sở dữ liệu về kết quả nghiên cứu và có hướng dẫn, cơ chế đầy mạnh khai thác sử dụng.

19. Xác định cụ thể các chỉ tiêu cần đạt đối với các phát minh sáng chế, các giải pháp hữu ích trong các chiến lược phát triển, kế hoạch phát triển và nhiệm vụ hàng năm; xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu cho các sản phẩm nghiên cứu khoa học và công nghệ; xây dựng cơ sở dữ liệu và có chiến lược tạo tài sản trí tuệ, thúc đẩy chuyển giao tri thức trên các lĩnh vực có thể mạnh và tiềm năng; thiết lập quy trình quản lý rủi ro, bảo vệ và chiến lược “ra thị trường” để khai thác các tài sản trí tuệ của Trường; đặt yêu cầu cao hơn về nhiệm vụ cho các viện, trung tâm nghiên cứu đồng thời đánh giá hiệu quả, mức đóng góp của các đơn vị và có cơ chế khuyến khích chuyển giao, khai thác tài sản trí tuệ và thúc đẩy thương mại hóa.

20. So chuẩn, đối sánh quốc tế để xây dựng các KPIs cụ thể và bổ sung vào kế hoạch chiến lược, kế hoạch năm học giai đoạn 2021-2030; đầu tư tương xứng để chủ động phát triển mạng lưới hợp tác nghiên cứu, xây dựng công viên/vườn ươm khoa học công nghệ có sự tham gia của các đối tác nước ngoài; phát triển bền vững các nhóm nghiên cứu mạnh làm đòn bẩy để tăng cường các đề tài, hợp tác song phương, nghị định thư; tăng cường công bố khoa học là kết quả từ các hợp tác nghiên cứu chung giữa Nhà trường và các đối tác; xác định các yêu cầu, tiêu chí cụ thể và xây dựng cơ sở dữ liệu về đối tác; định kỳ đánh giá hiệu quả hợp tác, đối tác để điều chỉnh, cải tiến sau rà soát, đánh giá; rà soát và quy định rõ chức năng nhiệm vụ đơn vị đầu mối tham mưu cho Hiệu trưởng trong thực hiện chức năng quản lý phát triển hợp tác trong và ngoài nước.

21. Rà soát và có các văn bản tuyên bố chính thức chính sách về kết nối và phục vụ cộng đồng, trong đó chú trọng đến xác lập tác động xã hội và nâng cao chất lượng thông qua các hoạt động này; định kỳ có báo cáo việc tuân thủ các quy định quản lý và hướng dẫn về hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng và giám sát việc triển khai cũng như đánh giá các hoạt động; khảo sát khách quan và đầy đủ sự hài lòng của các bên liên quan trong và ngoài trường và đánh giá kết quả của các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng để có các cải tiến phù hợp.

22. Tiếp tục thực hiện các biện pháp hỗ trợ tích cực giúp tăng tỉ lệ tốt nghiệp đúng hạn, giảm tỉ lệ thôi học ở một số ngành công nghệ kỹ thuật đặc thù; thiết lập kênh khảo sát chính thức và giám sát sự tiến bộ trong phát triển nghề nghiệp đối với bậc sau đại học; thực hiện khảo sát tình hình phát triển nghề nghiệp cũng như nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng bổ sung của người học tốt nghiệp; đa dạng hơn trong khảo sát đối với nhà sử dụng lao động và loại hình doanh nghiệp về mức độ hài lòng đối với chất lượng người học; phân tích kỹ lưỡng các kết quả đối với từng chương trình đào tạo kết hợp các khảo sát độc lập và thực hiện đối sánh bên ngoài từng chỉ tiêu về kết quả để cải tiến.

23. Thường xuyên đối sánh quốc tế và xác lập các KPIs chính, các chỉ số chủ yếu về loại hình, kết quả nghiên cứu để đánh giá kết quả thực hiện hàng năm; xây dựng cơ chế sử dụng hiệu quả kết quả đối sánh để cải tiến chất lượng; tăng tỷ trọng đầu tư cho khoa học công nghệ của giảng viên, sinh viên và có chính sách thúc đẩy nghiên cứu khoa học đối với cán bộ trẻ; xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp trong Nhà trường. Quan tâm theo dõi, đánh giá các chỉ số kết quả nghiên cứu, sáng tạo và chuyển giao, thương mại hóa tài sản trí tuệ để có các biện pháp cải thiện nâng cao hiệu quả.

24. Quan tâm khảo sát đánh giá tác động xã hội cũng như tác động của các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng đối với người học và cán bộ, giảng viên; định kỳ giám sát và đối sánh các loại hình và khối lượng các hoạt động phục vụ cộng đồng; xây dựng hệ thống chỉ báo và các chỉ số tác động xã hội và tác động của hoạt động kết nối, phục vụ cộng đồng đối với người học, đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên; ban hành chính sách phục vụ cộng đồng một cách cụ thể kèm theo các chỉ báo đánh giá được mức độ hài lòng của các bên liên quan để cải tiến.

25. Sớm quy định rõ các nội dung, yêu cầu cụ thể đối với các loại hình kết nối, phục vụ cộng đồng để xác lập các chỉ số kết quả và chỉ số tài chính cho hoạt động này; xây dựng chính sách, cơ chế xác lập và kiểm soát các chỉ số tài chính theo hướng hiệu quả để tăng thu từ chuyển giao và thương mại hóa; quan tâm xác lập cụ thể một số chỉ số thị trường trong các mảng đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng và xếp hạng quốc tế; lựa chọn đối tác để thực hiện đối sánh các chỉ số thị trường với các trường đại học hàng đầu khu vực; tăng cường quảng bá thương hiệu để nâng cao sự nhận diện, vị thế của Nhà trường; phổ biến kết quả và nội dung đối sách, xếp hạng một số chương trình đào tạo đã thực hiện để lan tỏa và ban hành các quy định về xây dựng, giám sát cơ sở dữ liệu về các chỉ số thị trường của các hoạt động trong toàn Trường.

Trên đây là 25 nhóm giải pháp tổng hợp, Nhà trường cần nghiên cứu kỹ lưỡng Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài để có thêm những giải pháp chi tiết trong quá trình triển khai thực hiện. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng gửi cơ quan quản lý trực tiếp, Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm

Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội theo quy định.

)